

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Chí Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Số: ~~AD38~~ /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đang theo dõi trên Tài khoản 241 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và Tài khoản 242 "Chi phí trả trước dài hạn" các khoản chi phí cho công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tà Thàng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 đồng và 2.938.961.039 đồng. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau (Tiếp theo):

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 3 năm 2011 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán với số tiền 12.144.654.273 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 109.821.477.835 đồng. Đây là dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang làm các thủ tục xin gia hạn khoản vay và tin tưởng rằng đề nghị của Công ty sẽ được các ngân hàng chấp nhận. Theo đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong tương lai và vì vậy báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.




Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

1250
G
EM H
DIT
N
T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B.01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		80.174.126.850	177.953.096.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.202.373.423	21.343.625.185
1. Tiền	111		192.264.196	563.959.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.010.109.227	20.779.666.087
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	5.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.253.745.033	143.898.136.038
1. Phải thu khách hàng	131		1.755.629.472	2.188.230.601
2. Trả trước cho người bán	132	7	59.198.381.538	138.975.699.420
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.299.734.023	2.734.206.017
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.718.008.394	5.711.334.824
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.145.905.478	5.288.744.111
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.572.102.916	422.590.713
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		827.059.567.060	433.116.388.588
I. Tài sản cố định	220		804.477.110.956	410.528.654.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	51.669.574	102.629.754
- Nguyên giá	222		1.886.488.735	1.876.013.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.834.819.161)	(1.773.383.526)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		803.769.008	971.461.818
- Nguyên giá	225		971.461.818	971.461.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(167.692.810)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.291.305.131	-
- Nguyên giá	228		8.301.395.131	10.090.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.090.000)	(10.090.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	795.330.367.243	409.454.563.137
II. Tài sản dài hạn khác	260		22.582.456.104	22.587.733.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.535.256.104	10.540.533.879
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	12.047.200.000	12.047.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		907.233.693.910	611.069.484.635

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		690.680.387.397	466.846.100.864
I. Nợ ngắn hạn	310		189.995.604.685	100.354.863.367
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	132.725.996.786	50.623.451.294
2. Phải trả người bán	312		44.398.867.718	41.346.441.861
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		38.854.628	232.357.377
4. Phải trả người lao động	315		1.728.120.838	2.014.456.093
5. Chi phí phải trả	316		9.304.462.628	4.554.085.286
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.799.302.087	1.584.071.456
II. Nợ dài hạn	330		500.684.782.712	366.491.237.497
1. Phải trả dài hạn khác	333		350.000.000	350.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	500.334.782.712	366.141.237.497
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		216.553.306.513	144.223.383.771
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	216.553.306.513	144.223.383.771
1. Vốn điều lệ	411		193.896.507.633	132.006.277.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		10.295.526.491	877.584.005
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.718.822.389	697.072.133
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		907.233.693.910	611.069.484.635



Trương Chí Thành
Giám đốc

Trần Ngọc Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thu Hường
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.082.312.818	1.314.885.330
7. Chi phí tài chính	22		642.461.416	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		517.872.694	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.439.851.402	1.314.885.330
11. Thu nhập khác	31		-	8.454.545
12. Chi phí khác	32		77.517.727	393.910.365
13. (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(77.517.727)	(385.455.820)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.362.333.675	929.429.510
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		340.583.419	232.357.377
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.021.750.256	697.072.133
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	53	53



Trương Chí Thành
Giám đốc

Trần Ngọc Thủy

Trần Ngọc Thủy
Kế toán trưởng

Lê Thu Hương

Lê Thu Hương
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.362.333.675	929.429.510
2. Điều chỉnh cho các khoản			
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.082.312.818)	(1.314.885.330)
Chi phí lãi vay	06	517.872.694	-
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(202.106.449)	(385.455.820)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	79.681.367.139	(33.911.526.266)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26.831.708.266	11.391.139.765
Giảm chi phí trả trước	12	5.277.775	31.666.668
Tiền lãi vay đã trả	13	(13.252.365.756)	(4.713.732.320)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(534.086.168)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(12.047.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	92.529.794.807	(39.635.107.973)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(390.896.030.390)	(141.854.403.885)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay	27	2.038.663.114	2.183.151.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(386.857.367.276)	(139.671.252.427)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	61.890.230.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	309.816.828.813	190.995.182.995
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.363.404.778)	-
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(157.333.328)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	278.186.320.707	190.995.182.995
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(16.141.251.762)	11.688.822.595
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.343.625.185	9.654.802.590
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.202.373.423	21.343.625.185

Trương Chí Thành
Giám đốcTrần Ngọc Thủy
Kế toán trưởngLê Thu Hương
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 53 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 47).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 109.821.477.835 đồng. Đây là dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang làm các thủ tục xin gia hạn khoản vay và tin tưởng rằng đề nghị của Công ty sẽ được các ngân hàng chấp nhận. Theo đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong tương lai và vì vậy báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 17.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản thuê tài chính thể hiện giá trị của xe ô tô Toyota thuê từ Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao. Các phần mềm kế toán và thiết kế đào lắp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2011 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát và Dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2011 với số tiền 12.144.654.273 đồng vào giá trị đầu tư hai công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	39.690.801	190.168
Tiền gửi ngân hàng	152.573.395	563.768.930
Các khoản tương đương tiền (i)	5.010.109.227	20.779.666.087
	<u>5.202.373.423</u>	<u>21.343.625.185</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm.

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	-	2.000.000.000
	5.000.000.000	7.000.000.000

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Điện lực Lào Cai	307.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	3.042.000.539	17.651.550.336
Công ty Xây dựng Công trình Tuấn Vũ	-	3.262.623.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	15.998.058.304	12.555.372.637
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	17.995.826.889	25.750.897.031
Công ty ANDRITZ HYDRO Private Limited	14.807.095.080	51.745.772.379
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	595.626.791	732.660.729
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 3	2.666.464.000	11.338.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.487.539.775	13.781.235.383
Các đối tượng khác	1.098.770.160	1.656.987.925
	59.198.381.538	138.975.699.420

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7 (i)	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.299.734.023	734.206.017
	3.299.734.023	2.734.206.017

(i) Phản ánh khoản cho Vinaconex 7 vay ngắn hạn 3 tháng với lãi suất là 0%.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	296.757.388	1.200.889.655	378.366.237	1.876.013.280
Tăng trong năm	-	-	10.475.455	10.475.455
Tại ngày 31/12/2011	296.757.388	1.200.889.655	388.841.692	1.886.488.735
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	288.771.275	1.195.407.273	289.204.978	1.773.383.526
Khấu hao trong năm	2.083.332	2.192.956	57.159.347	61.435.635
Tại ngày 31/12/2011	290.854.607	1.197.600.229	346.364.325	1.834.819.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	5.902.781	3.289.426	42.477.367	51.669.574
Tại ngày 31/12/2010	7.986.113	5.482.382	89.161.259	102.629.754

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	787.052.052.906	394.327.458.317
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.090.637.636	8.939.428.119
Công trình Thủy điện Chu Linh-Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sứ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tả Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	795.330.367.243	409.454.563.137

(i) Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 110.826.328.939 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 37.041.655.766 đồng).

(ii) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh - Cốc San, Sứ Pán, Tả Thàng với tổng số tiền là 6.187.676.701 đồng đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San (i)	2.938.961.039	2.938.961.039
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán - Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai (ii)	7.596.295.065	7.596.295.065
Chi phí ISO	-	5.277.775
	10.535.256.104	10.540.533.879

(i) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh - Cốc San đã được Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, các dự án này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Công ty đang phối hợp cùng Vinaconex, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và chủ đầu tư được chuyển giao các dự án nêu trên để thu hồi các khoản chi phí mà Vinaconex đã đầu tư trước đây. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

(ii) Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán của Dự án Thủy điện Ngòi Phát - Lào Cai với số tiền là 7.596.295.065 đồng theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NVIII ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết toán chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo Thông báo mở L/C số 955 ngày 20 tháng 5 năm 2010 với mục đích nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát từ nhà thầu của Ấn Độ với số tiền 12 tỷ VND và khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo cho tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn:</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	36.797.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (i)	46.733.789.157	1.478.861.280
Công ty Cổ phần Vimenco (ii)	500.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>		
Vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.134.874.296	12.190.256.681
Vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (iii)	73.200.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	157.333.333	157.333.333
	132.725.996.786	50.623.451.294

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 05/082011/HĐHMTD/TCB-LCI ngày 15 tháng 8 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Công ty. Mục đích của khoản vay là thanh toán tiền hàng nhập khẩu thiết bị và các dịch vụ lắp đặt, hiệu chỉnh hòa điện Quốc gia - thực hiện Dự án Thủy điện Ngòi Phát. Hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 79.000.000.000 đồng. Số dư gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 46.733.789.157 đồng. Thời hạn vay là không quá 3 tháng theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được quy định trên khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ lập cho mỗi lần rút vốn vay. Tài sản đảm bảo là bất động sản của Công ty tại đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai;
- (ii) Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký khế ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimenco. Số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2011. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2008/HĐTDĐT-NHPT giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Theo các quy định trong hợp đồng vay và thực tế giải ngân, số nợ đến hạn trả trong năm 2012 là 73.200.000.000 đồng. Ngày 10 tháng 02 năm 2012, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai đã có Công văn số 33/NHPT.LCA-TD gửi Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, đề nghị điều chỉnh thời gian vay vốn theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2008/HĐTDĐT-NHPT nêu trên. Theo đó, thời gian bắt đầu trả nợ là từ tháng 01 năm 2013. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có công văn trả lời vấn đề này.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	424.720.600.373	298.226.056.511
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	75.456.849.000	67.600.514.319
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	157.333.339	314.666.667
	500.334.782.712	366.141.237.497

- (i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535.466 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(=) 4\%/năm +$ lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:
- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp;
- (ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437.745 tỷ đồng, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu đồng, thời hạn thuê là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Tiền thuê bao gồm nợ gốc và lãi thuê tài chính được trả định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất cho thuê tài chính là lãi suất cho thuê cơ bản của đồng Việt Nam do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán lần đầu tiên cho nhà cung cấp cộng (+) 0,3%/tháng và điều chỉnh 06 tháng/lần. Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, tài sản sẽ được bán lại với giá tương trung là 2 triệu đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	85.492.207.629	12.347.590.014
Trong năm thứ hai	121.896.830.524	46.592.023.668
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	147.875.340.556	139.461.404.337
Sau năm năm	230.562.611.632	180.087.809.492
	585.826.990.341	378.488.827.511
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	85.492.207.629	12.347.590.014
Số được trả sau 12 tháng	500.334.782.712	366.141.237.497

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	132.006.277.633	10.642.450.000	(1.103.053.171)	-	141.545.674.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	697.072.133	697.072.133
Chênh lệch tỷ giá	-	-	1.980.637.176	-	1.980.637.176
Tại ngày 31/12/2010	132.006.277.633	10.642.450.000	877.584.005	697.072.133	144.223.383.771
Nhận vốn góp	61.890.230.000	-	-	-	61.890.230.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.021.750.256	1.021.750.256
Chênh lệch tỷ giá	-	-	9.417.942.486	-	9.417.942.486
Tại ngày 31/12/2011	193.896.507.633	10.642.450.000	10.295.526.491	1.718.822.389	216.553.306.513

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/211	31/12/2010
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	132.000.007.633	72.109.777.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	8.387.000.000	6.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	28.853.500.000	28.853.500.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	193.896.507.633	132.006.277.633

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.021.750.256	697.072.133
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	19.389.650	13.200.628
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	53

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.202.373.423	21.343.625.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.055.363.495	4.922.436.618
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	7.000.000.000
Tài sản tài chính khác	12.357.917.936	12.246.614.542
Tổng cộng	27.615.654.854	45.512.676.345
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	633.060.779.498	416.764.688.791
Phải trả khách hàng và phải trả khác	46.198.169.805	42.930.513.317
Chi phí phải trả	9.304.462.628	4.554.085.286
Công nợ tài chính khác	350.000.000	350.000.000
Tổng cộng	688.913.411.931	464.599.287.394

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đôla Mỹ (USD) - Trả trước cho người bán	-	-	32.802.921.968	77.496.669.410
Đôla Mỹ (USD) - Phải trả người bán	2.997.690.728	5.202.803.175	-	-
Đôla Mỹ (USD) - Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	17.232.046	2.021.748

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	132.725.996.786	500.334.782.712	633.060.779.498
Phải trả người bán và phải trả khác	46.198.169.805	-	46.198.169.805
Chi phí phải trả	9.304.462.628	-	9.304.462.628
Công nợ tài chính khác	-	350.000.000	350.000.000
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	50.623.451.294	366.141.237.497	416.764.688.791
Phải trả người bán và phải trả khác	42.930.513.317	-	42.930.513.317
Chi phí phải trả	4.554.085.286	-	4.554.085.286
Công nợ tài chính khác	-	350.000.000	350.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.202.373.423	-	5.202.373.423
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.055.363.495	-	5.055.363.495
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Tài sản tài chính khác	310.717.936	12.047.200.000	12.357.917.936
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.343.625.185	-	21.343.625.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.922.436.618	-	4.922.436.618
Đầu tư ngắn hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Tài sản tài chính khác	199.414.542	12.047.200.000	12.246.614.542

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2011	2010
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	48.215.146.209	61.136.600.343
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	1.149.901.406	1.006.552.959
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	6.446.312.235	25.190.298.186
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	820.442.647	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng	239.215.108	-
Vinaconex - Vinaconex 34		

Góp vốn

Công ty Cổ phần Vimeco	2.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng	59.890.230.000	-
Việt Nam - Vinaconex		

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lương	725.389.009	920.888.284
Các khoản khác	201.600.000	134.400.000
	926.989.009	1.055.288.284

Sơ dư với các bên liên quan:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	2.068.076.470	2.029.611.670
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	946.015.724	2.000.217.800
Công ty Cổ phần Vimeco	1.183.521.022	1.266.944.092
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	15.998.058.304	12.555.372.637
Công ty Cổ phần Vimeco	3.042.000.539	17.651.550.336
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	150.000.000	150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo):*

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	36.797.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	500.000.000	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	8.332.101.638	1.309.561.175
Công ty Cổ phần Vimeco	22.702.344.587	18.572.414.593
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	-	2.746.535.097
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Vinaconex 34	1.288.854.876	1.025.718.257
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	2.436.375.131	2.436.375.131
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	-	3.075.666.649
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	147.458.011	147.458.011
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	102.295.784	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	1.485.438.424	1.260.443.020
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	125.607	125.607
Công ty Cổ phần Vimeco	41.158.810	41.158.810

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Trương Chí Thành
Giám đốcTrần Ngọc Thủy
Kế toán trưởngLê Thu Hường
Người lập biểu

Lào Cai, ngày 14 tháng 3 năm 2012